TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI
TỈNH THÁI NGUYÊN

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27/3/2024
V/v xin ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hạnh và bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H sinh năm 1996, có mặt.

Địa chỉ: Xóm NS, xã BL, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L sinh năm 1994, có mặt.

Địa chỉ: Xóm NS, xã BL, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên

Dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn S sinh năm 1974, có mặt.

+ Bà Đặng Thị T sinh năm 1972, có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T1 sinh năm 1971, có mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm NS, xã BL, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

+ Ông Trần Văn B sinh năm 1975, có mặt.

Địa chỉ: Thôn TB, xã TH, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị trình bày: Chị và anh L kết hôn năm 2015 đăng ký kết hôn tại UBND xã BL, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng ở chung cùng với bố mẹ chồng tại xóm Nà Sọc, xã BL từ đó đến nay. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó anh L không chịu làm ăn, chăm sóc con cái, một mình chị đi làm kiếm tiền nuôi con. Trong thời gian chị đi làm anh L ghen tuông chửi bới, dọa dẫm và sỉ nhục chị. Hiện nay sức khỏe của anh L không ổn định sau tai nạn giao thông, không lao động được, không có thu nhập, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều phụ thuộc vào bố mẹ chồng chị. Thời gian gần đây anh L còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm đến nhau, do đó chị đề nghị được ly hôn anh L. Về con chung anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị BN, sinh ngày 14/12/2016 và Nguyễn Thị, sinh ngày 09/02/2020. Về tài sản chung: Chị và anh L cùng bố mẹ chồng là ông S và bà T có tài sản chung là 01 ngôi nhà cấp 4 xây dựng năm 2022, diện tích khoảng 120 m^2. Về nợ chung: Vợ chồng vay của bố đẻ chị là ông Trần Văn B số tiền 40.000.000 đồng mục đích vay để đóng góp xây dựng ngôi nhà trên.

Nay chị H đề nghị được ly hôn anh L. Về con chung đề nghị được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung của chị, anh L, ông Nguyễn Văn S và bà Đặng Thị T *(ông S, bà T là bố mẹ chồng)* đề nghị giao nhà cho ông S, bà T và anh L, chị đề nghị chia ngôi nhà làm 4 phần bằng nhau và đề nghị trích chia bằng giá trị ngôi nhà cho chị. Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị đề nghị, chị và anh L mỗi người phải chịu trách nhiệm trả cho ông B bố đẻ chị một nửa số tiền đã vay. Tuy nhiên, trước khi vụ án được đưa ra xét xử ngày 15/02/2024 Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai nhận đươc đơn đề nghị của chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản tiền vay của ông B.

Bị đơn anh L trình bày: Anh đồng ý với phần trình bày của chị H về thời gian kết hôn, về con chung. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ đẻ anh, ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên gần đây chị H đi làm công ty ít khi về nhà do anh bị tai nạn giao thông, trí nhớ giảm sút, không lao động được. Còn việc chị H xin ly hôn anh không biết lý do vì sao. Tài sản chung và nợ chung không có.

Nay chị H xin ly hôn, bị đơn anh L không nhất trí ly hôn chị H. Về con chung hiện nay các con đang ở với anh và bố mẹ đẻ anh, trường hợp chị H nhất quyết ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung chị H khai có 01 ngôi nhà cấp 4 xây dựng năm 2022, diện tích khoảng 120 m^2, làm trên đất của bố mẹ anh là ông Nguyễn Văn S và bà Đặng Thị T nhưng tài sản đó là của bố mẹ anh không phải tài sản chung vợ chồng anh nên không nhất trí chia cho chị H. Về khoản nợ chung 40.000.000 đồng

của bố vợ, chị H khai vay về để làm nhà anh không được biết gì về số tiền này, do vậy anh không nhất trí trả cho ông B một nửa số tiền trên như chị H đề nghị.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông là bố đẻ của anh L, là bố chồng của chị H. Trong cuộc sống hôn nhân hai vợ chồng chị H và anh L luôn hòa thuận, hạnh phúc. Từ tháng 01/2023 do anh L bị tai nạn không lao động được nên hai vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay anh L vẫn bị ảnh hưởng đến sức khỏe, lúc nhớ, lúc quên, không làm được việc gì, không có thu nhập gì. Có hôm đi đón con học ở trường nhưng quên không đón con lại đi về một mình. Về tài sản chung như chị H khai là đúng, nhưng ngôi nhà này làm trên đất của anh trai ông là ông Nguyễn Văn T1 cho mượn, khi xây dựng có công sức đóng góp của chị H và anh L vì anh chị sống chung với vợ chồng ông. Nay chị H xin ly hôn anh L, ông S đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng về chung sống với nhau cùng nuôi con. Trường hợp hai anh chị không ở được với nhau, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Bà Đặng Thị T trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh L, là mẹ chồng của chị H. Trong cuộc sống hôn nhân hai vợ chồng chị H và anh L hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuận gì. Tuy nhiên từ tháng 01/2023 do anh L là con trai bà bị tai nạn không lao động được nên hai vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay anh L vẫn bị ảnh hưởng đến sức khỏe, lúc nhớ, lúc quên, không làm được việc gì, không có thu nhập gì, có hôm đến trường đón con học ở trưởng nhưng quên không đón con lại đi về một mình. Về tài sản chung: Ngôi nhà hiện nay gia đình bà đang ở làm trên đất của anh trai chồng bà là ông Nguyễn Văn T1 cho mượn, khi xây dựng có công sức đóng góp của chị H và anh L. Nay chị H xin ly hôn anh L bà đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng chị H anh L về chung sống với nhau cùng nuôi các con khôn lớn. Trường hợp hai anh chị không ở được với nhau, chị H đề nghị chia tài sản, bà đề nghị Tòa án giải quyết chia theo công sức đóng góp của chị H có 03 bộ cửa sổ, 01 bộ cửa ngách, 01 tủ lạnh đã cũ, 01 xe đạp điện.

- *Ông Nguyễn Văn T1 trình bày:* Ông là anh trai ruột của bố chồng chị H, là bác ruột của anh L. Đối với ngôi nhà chị H khai là tài sản chung của chị H và anh L được xây trên thửa đất của ông. Năm 2022 do thấy hoàn cảnh nhà em trai ông là ông Nguyễn Văn S khó khăn, không có đất để xây nhà nên ông có cho em trai ông mượn đất để xây nhà. Việc đóng góp xây dựng ngôi nhà trong gia đình em trai ông như thế nào ông không biết. Nay chị H đề nghị chia tài sản chung là ngôi nhà ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Ông Trần Văn B trình bày:* Ông là bố đẻ của chị H, bố vợ của anh L. Năm 2022 chị H là con gái ông hỏi vay tiền mục đích để xây nhà nên ông đã cho chị H vay 40.000.000 đồng, vì là quan hệ bố con nên không viết giấy tờ gì. Đến nay chị H và anh L ly hôn, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc anh L và chị H phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền đã vay, không tính lãi theo đề nghị của chị H. Tuy nhiên, trước khi đưa vụ án ra xét xử ngày 15/02/2024 Tòa án nhân dân huyện

Võ Nhai nhận được đơn đề nghị của ông B gửi Tòa án không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền đã cho chị H vay nữa.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà:

- *Về tố tụng:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà phù hợp với các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Xét thấy chị H và anh L kết hôn năm 2015 đăng ký kết hôn tại UBND xã BL, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các 28, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 235, 227, 273, 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 219 Bộ luật dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 61, 110, 116, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Văn L. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Thị BN, sinh ngày 14/12/2016 và Nguyễn Thị HT, sinh ngày 09/02/2020. Buộc anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc và cháu Trang cùng chị H mỗi con 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tổng tài sản chung của chị H, anh L, ông S và bà T là 538.440.000 đồng. Đề nghị Tòa án chia tài sản chung cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Chị H và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí và chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại Xóm NS, xã BL, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị H và anh L về tình trạng hôn nhân là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị H và anh L là cuộc hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, hợp

pháp. Sau khi kết hôn anh chị có 02 con chung, quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không giải quyết được. Từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng, không còn quan tâm đến đời sống của nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh L không nhất trí ly hôn đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi con, nhưng anh không có giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà còn có quan hệ ngoại tình đăng trên mạng xã hội Tik Tok *(có bản ảnh do chị H cung cấp*). Tại phiên tòa anh L cũng thừa nhận những hình ảnh chị H giao nộp cho Tòa án đúng là hình ảnh của anh. Như vậy, có thể xác định được quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh L đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Xét cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh L.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh L có 02 con chung là Nguyễn Thị BN, sinh ngày 14/12/2016 và Nguyễn Thị HT, sinh ngày 09/02/2020.

Chị H và anh L đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cả hai con, tuy nhiên cháu Ngọc có nguyện vọng muốn được ở với bố. Chị H không đồng ý giao con cho anh L nuôi mà có nguyện vọng được nuôi cả 02 con. Quá trình giải quyết vụ án chị H không yêu cầu anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị, tuy nhiên tại phiên tòa chị H đề nghị anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/1 cháu/1 tháng cùng chị vì anh L khai hiện nay anh có thu nhập từ việc làm phụ xe buýt.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các bên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại các bản khai và tại phiên tòa chị H khai hiện nay các con của chị và anh L vẫn chung sống cùng nhà với bố mẹ chồng, chị đi làm công ty Samsung tại thành phố Phổ Yên nhưng vẫn thường xuyên về nhà chăm sóc con cái và gia đình, thu nhập hàng tháng của chị đủ điều kiện để nuôi con. Hơn nữa các con của chị đều là con gái cần sự chăm sóc từ người mẹ, anh L hiện nay không có công việc ổn định, không có thu nhập, sống phụ thuộc gia đình, bị ảnh hưởng tai nạn chưa hồi phục. Do đó chị đề nghị Hội đồng xét xử giao các con cho chị nuôi mới đảm bảo cho các con chị được chăm sóc nuôi dưỡng tốt.

Quá trình giải quyết vụ án anh L khai hiện nay do anh bị tai nạn giao thông, trí nhớ giảm sút, không lao động được, bản thân anh và các con của anh đều do bố mẹ để anh giúp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tuy anh không có thu nhập, nhưng bố mẹ anh vẫn đủ điều kiện để giúp anh chăm sóc các con của anh và chị H. Tại phiên tòa anh L vẫn giữ nguyên quan điểm xin được nuôi con vì tại thời điểm này anh đã đi làm phụ xe tuyến xe buýt số 8 Phổ Yên – Bình Long có thu nhập, thỉnh thoảng anh có đưa tiền cho mẹ đẻ anh phụ giúp từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, còn tiền học của con anh đã có em gái anh phụ giúp, việc đưa đón con hàng tuần anh được nghỉ 2 ngày anh có trách nhiệm đưa đón con đi học, các ngày còn lại anh nhờ bố mẹ anh chăm sóc giúp đỡ.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2023 và tại phiên tòa hôm nay ông S và bà T là bố mẹ đẻ của anh L cũng xác nhận vợ chồng chị H và anh L đang chung sống cùng ông bà từ năm 2015 đến nay, trong quá trình chung sống vợ chồng các con hòa thuận hạnh phúc. Tháng 1/2023 vợ chồng anh chị bắt đầu sảy ra mâu thuẫn do anh L bị tai nạn, không lao động được. Hiện nay anh L vẫn bị ảnh hưởng đến sức khỏe, lúc nhớ lúc quên, không làm được việc gì, không có thu nhập gì, mọi công việc gia đình từ kinh tế đến chăm sóc con, cháu đều phụ thuộc vào ông bà giúp đỡ, thậm chí có hôm anh L đi đón con học ở trường nhưng quên không đón con lại đi về một mình.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Nguyễn Thị BN, sinh ngày 14/12/2016 có nguyện vọng sống với anh L và cháu Nguyễn Thị HT, sinh ngày 09/02/2020 hiện nay còn nhỏ, đang độ tuổi đi học. Thu nhập thực tế của chị H hiện nay bình quân 7.000.000 đồng/1 tháng *(có bảng thanh toán lương của Công ty Samsung tại thành phố Phổ Yên nơi chị H làm việc).* Anh L hiện nay sống phụ thuộc gia đình, không có công ăn việc làm, không lao động được do ảnh hưởng của tai nạn giao thông. Tại phiên tòa anh L khai tại thời điểm này anh đã đi làm phụ xe tuyến xe buýt số 8 Phổ Yên – Bình Long có thu nhập, nhưng anh không có tài liệu chứng minh về thu nhập gửi cho Hội đồng xét xử xem xét. Cũng tại phiên tòa hôm nay, bố mẹ đẻ của anh L là bà T và ông S đều công nhận hiện nay anh L tuy có ổn định về sức khỏa nhưng vẫn phụ thuộc gia đình trong việc chăm sóc nuôi dưỡng anh và các con của anh L và chị H. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án cháu Ngọc có nguyện vọng sống cùng anh L, nhưng các con của anh chị đều là nữ, việc giao con gái cho bố trực tiếp nuôi dưỡng và sinh hoạt trong khi anh L không có công việc ổn định, sống phụ thuộc vào bố mẹ đẻ là không phù hợp. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Ngọc và cháu Trang được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt và không trái với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị BN, sinh ngày 14/12/2016 và Nguyễn Thị HT, sinh ngày 09/02/2020 đến khi cháu Ngọc và cháu Trang đủ 18 tuổi.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị H không yêu cầu anh L đóng góp nuôi con chung cùng chị. Tuy nhiên tại phiên tòa chị H yêu cầu anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị mức 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng anh L không nhất trí, nhưng mức cấp dưỡng nuôi con chung như chị H đề nghị là phù hợp nên cần buộc anh L cấp dưỡng hàng tháng nuôi con cùng chị H với mức 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng kể từ khi tuyên án cho đến khi mỗi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc sự kiện khác.

[5]. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án chị H xác định tài sản chung của cả gia đình gồm chị, anh L, ông S, bà T có 01 ngôi nhà xây cấp 4 xây dựng năm 2022; Ông S xác định tài chung là ngôi nhà xây cấp 4 có công sức đóng góp của chị H và anh L; Bà T chỉ công nhận tài sản chị H đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình gồm có 03 cửa sổ, 01 cửa ngách, 01 tủ lạnh đã cũ, 01 xe đạp điện; Anh L

xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung. Quá trình giải quyết vụ án chị H đề nghị Tòa án xác minh thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với ngôi nhà trên.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/01/2024 của TAND huyện Võ Nhai, xác định được:

+ Tài sản chung của vợ chồng chị H, anh L, ông S, bà T là: 01 ngôi nhà xây cấp 4 xây dựng năm 2022 đổ trần bê tông cốt thép, lát gạch hoa 50x50cm có chiều dài 15m, chiều rộng 9,5m, tổng diện tích 142m^2. Nhà làm trên thửa đất số 136, tờ bản đồ số 25 bản đồ địa chính xã BL mang tên ông Nguyễn Văn T1 *(ông T1 là anh trai ông S).*

Đối với tài sản chung của chị H, anh L, ông S và bà T do các đương sự không thống nhất được về giá. Tại biên bản định giá tài sản ngày 05/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản căn cứ vào các quy định của pháp luật xác định như sau:

- 01 ngôi nhà xây cấp 4 xây dựng năm 2022 đổ trần bê tông cốt thép, lát gạch hoa 50x50cm có chiều dài 15m, chiều rộng 9,5m, tổng diện tích 142m^2 có trị giá 620.966.000 đồng. Sau khi tính khấu hao giá trị còn lại của ngôi nhà là 538.440.000 đồng.

Căn cứ kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá xác định tài sản chung của chị H, anh L, ông S và bà T là 538.440.000 đồng.

Xét nguyện vọng của chị H đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung của chị, anh L, ông S *(bố chồng)* và bà T *(mẹ chồng)* trong khối tài sản chung của cả gia đình là ngôi nhà xây cấp 4 xây dựng năm 2022 trên thửa đất số 126 tờ bản đồ địa chính số 38 xã BL đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn T1. Tại phiên tòa chị H đề nghị chia bốn phần bằng nhau, cụ thể: Chị xin được trích chia bằng tiền vì nhà do bố mẹ chồng chị được ông T1 *(ông T1 là anh trai của bố chồng chị H)* cho mượn đất để làm nhà nên chị đề nghị giao ngôi nhà cho ông S, bà T và anh L quản lý sử dụng.

Đối với anh L quá trình giải quyết vụ án không nhất trí chia tài sản như chị H đề nghị, vì anh xác định vợ chồng không có tài sản chung. Nhưng tại phiên tòa anh L xác định chị H đi làm cũng gửi tiền về cho gia đình sinh hoạt chung. Ông S xác định ngôi nhà là tài sản chung của cả gia đình có công sức đóng góp của chị H và anh L vì hai vợ chồng anh chị sống chung với ông và bà T từ năm 2015 đến nay. Đối với bà T xác định khi xây dựng ngôi nhà có công sức đóng góp của chị H và anh L. Nay chị H xin ly hôn anh L bà đề nghị Tòa án giải quyết chia theo công sức đóng góp của chị H gồm có 03 cửa sổ, 01 cửa ngách, 01 tủ lạnh đã cũ, 01 xe đạp điện còn đề nghị của chị H chia công sức đóng góp xây dựng ngôi nhà bà không nhất trí.

Hội đồng xét xử xét thấy tài sản chung của chị H, anh L, ông S và bà T sau khi trừ khấu hao có trị giá là 538.440.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án anh L xác định không có tài sản chung, tuy nhiên ông S là bố chồng chị H xác định tài sản chung là ngôi nhà xây cấp 4 xây dựng năm 2022 đó là tài sản chung của cả gia đình và có công sức đóng góp của cả gia đình, phía bà T xác định ngôi nhà không phải

là tài sản chung của cả gia đình nhưng bà cũng thừa nhận chị H có đóng góp 03 bộ cửa sổ và 01 bộ của ngách. Tại phiên tòa hôm nay ông S, bà T xác định có công sức đóng góp của chị H trong việc đóng góp công sức làm nhà, anh L xác định chị H có đóng góp tiền để sinh hoạt chung. Phía nguyên đơn chị H đã giao nộp cho Tòa án các hóa đơn bán lẻ, phiếu xuất kho, sổ ghi chép mua vật liệu, ứng tiền trả công thợ...và chị sống chung với bố mẹ chồng từ khi kết hôn với anh L đến nay. Do đó Hội đồng xét xử xác định ngôi nhà xây cấp 4 xây dựng năm 2022 trên thửa đất số 126 tờ bản đồ địa chính số 38 xã BL là tài sản chung của chị H, anh L, ông S, bà T cần được chia 4 phần bằng nhau cụ thể:

Giao cho bà T, ông S và anh L được sở hữu ngôi nhà xây cấp 4 xây dựng năm 2022 trên thửa đất số 136, tờ bản đồ số 25 bản đồ địa chính xã BL của ông Nguyễn Văn T1 *(ông T1 là anh trai ông S),* nhà đổ trần bê tông cốt thép, lát gạch hoa 50x50cm có chiều dài 15m, chiều rộng 9,5m, tổng diện tích 142m^2 có trị giá 538.440.000 đồng.

Buộc anh L, ông S và bà T có trách nhiệm trích chia giá trị tài sản chung bằng tiền mặt cho chị H 134.610.000 đồng.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án bà T là mẹ chồng chị H xác định chị H còn có tài sản chung là 01 tủ lạnh đã cũ, 01 xe đạp điện. Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ xác định chị H, bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với thửa đất số số 136, tờ bản đồ số 25 bản đồ địa chính xã BL mang tên ông Nguyễn Văn T1. Năm 2022 do thấy vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Đặng Thị T không có đất làm nhà ở nên ông T1 đã cho mượn đất để xây dựng ngôi nhà hiện nay là tài sản chung của cả gia đình ông S, bà T, anh L và chị H. Qua xác minh thửa đất này gia đình ông T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay chị H đề nghị chia tài sản chung đối với ngôi nhà trên thửa đất ông cho ông S bà T mượn để làm nhà ông T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với phần đất ông cho ông S, bà T mượn để xây nhà ông không có ý kiến gì.

Do đó ngôi nhà nêu trên Hội đồng xét xử giao cho ông S, bà T và anh L được sở hữu và có trách nhiệm trích chia công sức đóng góp cho chị H là phù hợp.

[6]. Về nợ chung:

- Về khoản vay chung: Quá trình điều tra xác minh chị H khai nợ ông Trần Văn B bố đẻ chị 40.000.000 đồng, mục đích vay để làm nhà. Chị H đề nghị anh L có trách nhiệm trả nợ ông B 20.000.000 đồng, chị có trách nhiệm trả ông B 20.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông B xác định năm 2022 gia đình anh L và chị H có vay ông 40.000.000 đồng về để làm nhà không tính lãi, khi vay ông không viết giấy tờ gì vì các con vay có mục đích nên ông đã cho vay. Anh L không thừa nhận được vay số tiền như chị H đề nghị. Sau khi hòa giải ngày 15/02/2024 Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai nhận được đơn đề nghị chị H và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản tiền vay của ông B nữa, tại phiên tòa chị H và

ông B giữa nguyên quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền chị H đã vay của ông B, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157 và 165 BLTTDS buộc các đương sự phải chịu chi phí tố tụng theo quy định. Cụ thể:

Nguyên đơn chị H đã nộp tạm ứng chi phí xác minh thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng; đã nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản 3.000.000 đồng. Tòa án đã chi phí hết cho việc xác minh thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Các đương sự được chia tài sản phải chịu chi phí tố tụng ngang bằng nhau.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

[9]. Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166, 235, 227, 273, 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 219 Bộ luật dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 61, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung*:* Giao cháu Nguyễn Thị BN, sinh ngày 14/12/2016 và Nguyễn Thị HT, sinh ngày 09/02/2020 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh L được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Thị H 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi mỗi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự kiện khác.

4. Về tài sản chung: Xác định tổng giá trị tài sản chung của chị Trần Thị H, anh Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn S và bà Đặng Thị T 538.440.000 đồng chia đều cho 04 người. Mỗi người được hưởng 134.610.000 đồng trong khối tài sản chung của cả gia đình. Cụ thể:

- Giao cho anh Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn S và bà Đặng Thị T sở hữu: 01 ngôi nhà xây cấp 4 xây dựng năm 2022 trên thửa đất số 136, tờ bản đồ số 25 bản

đồ địa chính xã BL của ông Nguyễn Văn T1 *(ông T1 là anh trai ông S),* nhà đổ trần bê tông cốt thép, lát gạch hoa 50x50cm có chiều dài 15m, chiều rộng 9,5m, tổng diện tích 142m^2 có trị giá 538.440.000 đồng.

(có trích đo hiện trạng kèm theo)

- Buộc anh Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn S và bà Đặng Thị T nhận phần tài sản chung bằng hiện vật mỗi người phải trích chia giá trị tài sản bằng tiền cho chị Trần Thị H là 44.870.000 đồng.

5. Về nợ chung: Chị Trần Thị H và ông Trần Văn B không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí và chi phí tố tụng:

6.1 Về án phí:

- Buộc chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0006496 ngày 14/11/2023.

- Buộc anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nộp vào ngân sách nhà nước.

- Về án phí chia tài sản chung: Buộc chị Trần Thị H, anh Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn S và bà Đặng Thị T mỗi người phải chịu án phí chia tài sản chung nộp vào ngân sách nhà nước là 6.730.500 đồng.

6.2 Về chi phí tố tụng các đương sự phải chịu chi phí tố tụng, cụ thể:

- Buộc chị Trần Thị H, anh Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn S và bà Đặng Thị T mỗi người phải chịu 1.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

- Chị Trần Thị H đã nộp 6.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng, Tòa án đã chi hết. Buộc anh Nguyễn Văn L, ông Trần Văn Sơn và bà Đặng Thị T mỗi người phải thanh toán cho chị Trần Thị H 1.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án *(đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành)* cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS huyện Võ Nhai;
- THADS huyện Võ Nhai;
- UBND xã BL;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Hương